

Bản án số: 225/2020/DS-ST
Ngày: 18 - 8 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Chí
- Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nga là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 702/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T; Địa chỉ: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Đường D, phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn. (Văn bản uỷ quyền số: 1533/2019/UQ-TTT ngày 09 tháng 9 năm 2019)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Đường H, phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T có mặt; Ông H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần T, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần Đức T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04 tháng 9 năm 2012, Ngân hàng Thương mại cổ phần T (gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ông Nguyễn Văn H (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã cấp hai thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng chung là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể như sau:

+ Thẻ Visa, số thẻ 472074-3000 ngày 04/9/2012, lãi suất 2.15%/1 tháng;

+ Thẻ Family, số thẻ 970403-8076 ngày 04/9/2012, lãi suất 2.5%/1 tháng

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 33.550.000 đồng (trong đó thẻ Visa Credit Classic 472074-3000 là 4.990.000 đồng và thẻ Family Local Credit 970403-8076 là 28.560.000 đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt cho đến nay, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 45.895.000 đồng (trong đó thẻ Visa Credit Classic 472074-3000 là 9.265.000 đồng và thẻ Family Local Credit 970403-8076 là 36.630.000 đồng). Lãi, phí, thứ tự thanh toán được áp dụng theo Điều 20, 22 và Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do ông H phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông H (thẻ Visa Credit Classic 472074-3000 ngày 11/8/2017 và thẻ Family Local Credit 970403-8076 ngày 23/8/2017) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (gọi là nợ gốc) là 8.476.784 đồng qua nợ quá hạn theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngân hàng đã tạo điều kiện cho ông H trả nợ nhưng ông H không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

Ông Nguyễn Văn H trả cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 18/8/2020 là 19.429.508 đồng (nợ gốc là 8.476.784 đồng và lãi quá hạn là 10.952.724 đồng), cụ thể:

+ Thẻ Visa, số thẻ 472074-3000 ngày 04/9/2012, nợ gốc là 3.467.803 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.115.712 đồng

+ Thẻ Family, số thẻ 970403-8076 ngày 04/9/2012, nợ gốc là 5.008.981 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.837.012 đồng

Trả ngay khi quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời, ông H còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 19/8/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Bị đơn – ông Nguyễn Văn H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Ông H cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 03/3/2020 thể hiện: Ông Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại Đường H, phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Bán nhà đi khỏi địa phương từ năm 2014 cho đến nay, hiện không rõ nơi cư trú.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông H nhưng ông H vắng mặt, không nộp (*gửi*) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và Tóm tắt sao kê ngày 18/8/2020 đối với thẻ Visa, số thẻ 472074-3000 ngày 04/9/2012 và thẻ Family, số thẻ 970403-8076 ngày 04/9/2012 của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn yêu bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 18/8/2020 là 19.429.508 đồng (nợ gốc là 8.476.784 đồng và lãi quá hạn là 10.952.724 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 19/8/2020 đến ngày thanh toán xong nợ gốc là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền 19.429.508 đồng (trong đó nợ gốc là 8.476.784 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 18/8/2020 là 10.952.724 đồng), cụ thể:

+ Thẻ Visa, số thẻ 472074-3000 ngày 04/9/2012, nợ gốc là 3.467.803 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.115.712 đồng

+ Thẻ Family, số thẻ 970403-8076 ngày 04/9/2012, nợ gốc là 5.008.981 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.837.012 đồng

Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2020, ông H tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần T được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 395.337 (Ba trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi bảy) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0025322 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Ông Nguyễn Văn H phải nộp số tiền án phí là 971.475 (Chín trăm bảy mươi một ngàn bốn trăm bảy mươi lăm) đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

